

Số: 3610 /TCT- CS
V/v chính sách thuế

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2022

Kính gửi: Cục Thuế thành phố Hải Phòng

Trả lời công văn số 1626/CTHPH-HKDCN ngày 17/6/2022 của Cục Thuế thành phố Hải Phòng về hướng dẫn chính sách thuế đối với đất nông nghiệp đã giao cho doanh nghiệp quản lý, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Về chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp:

- Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 1, Điều 2 Nghị quyết số 15/2003/QH11 ngày 17/6/2003 của Quốc hội về việc miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp;

- Căn cứ Điểm c Khoản 3 Điều 1, Khoản 1 Điều 2 và Điều 4 Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp;

- Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp;

- Căn cứ Điều 1 Nghị quyết số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội;

- Căn cứ Khoản 4 Điều 58 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ;

“Điều 58. Thủ tục hồ sơ miễn thuế, giảm thuế đối với thuế sử dụng đất nông nghiệp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Thông tư này

4. Đối với các trường hợp miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo Nghị quyết của Quốc hội đối với từng thời kỳ thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn thi hành.”

- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 21/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2011/NĐ-CP ngày 23/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp;

- Căn cứ số thứ tự 11.2 Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định: *Các giấy tờ liên quan đến việc xác định miễn thuế, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp nộ cùng hồ sơ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp.*

Căn cứ quy định trên, diện tích đất nông nghiệp mà hộ gia đình, cá nhân là nông trường viên, lâm trường viên đã nhận đất giao khoán ổn định của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật được miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp từ năm thuế 2003 đến hết ngày 31/12/2025 theo quy định tại các Nghị quyết: Số 15/2003/QH11 ngày 17/6/2003, số 55/2010/QH12 ngày 24/11/2010, số 28/2016/QH14 ngày 11/11/2016 và số 107/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội. Trình tự, thủ tục, hồ sơ miễn thuế, giảm thuế thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 21/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 và số thứ tự 11.2 Phụ lục I Danh mục hồ sơ khai thuế ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

Đề nghị Cục Thuế thành phố Hải Phòng rà soát hồ sơ cụ thể về diện tích đất nông nghiệp, hợp đồng giao khoán giữa Nông trường Quý Cao (nay là Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Quý Cao Hải Phòng) để giải quyết chính sách miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật từng thời kỳ.

2. Về chính sách thu tiền thuê đất:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 73 Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26/11/2003 và Khoản 3 Điều 133 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội;

- Căn cứ Mục 4 Phần VII Thông tư số 141/2007/TT-BTC ngày 30/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;


- Căn cứ Khoản 9 Điều 19 và Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Tại Điểm 4 công văn số 7810/BTC-QLCS ngày 12/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc miễn tiền thuê đất đối với diện tích đất nông nghiệp trong hạn mức quy định tại Khoản 9 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP được áp dụng từ ngày 01/01/2011 đến hết ngày 31/12/2020;

Căn cứ quy định trên:

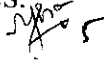
- Trường hợp các doanh nghiệp, Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp được Nhà nước cho thuê đất sau đó giao khoán cho các hộ gia đình theo Nghị định số 135/2005/NĐ-CP của Chính phủ thì các doanh nghiệp, Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp không thuộc đối tượng được xem xét miễn tiền thuê đất theo quy định tại Mục 4 Phần VII Thông tư số 141/2007/TT-BTC và Khoản 9 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP. Chỉ áp dụng miễn tiền thuê đất đối với trường hợp hộ nông dân, hộ nông trường viên, xã viên Hợp tác xã nông nghiệp được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp.

- Trường hợp Nông trường Quý Cao- doanh nghiệp nhà nước (nay là Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Quý cao Hải Phòng) sử dụng đất thuộc đối tượng phải nộp tiền thuê đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 73 Luật Đất đai 2003, Khoản 3 Điều 133 Luật Đất đai 2013 mà chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quyết định chuyển sang thuê đất thì đề nghị Cục Thuế thành phố Hải Phòng báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng chỉ đạo cơ quan tài nguyên và môi trường xác định thời điểm Nông trường phải chuyển sang thuê đất, diện tích phải tính thu tiền thuê đất, loại đất, mục đích sử dụng đất, thời hạn thuê đất,.. theo đúng quy định của pháp luật đất đai làm căn cứ để cơ quan thuế xác định số tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp của Nông trường Quý Cao (nay là Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Quý cao Hải Phòng) theo quy định của pháp luật về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước từng thời kỳ.

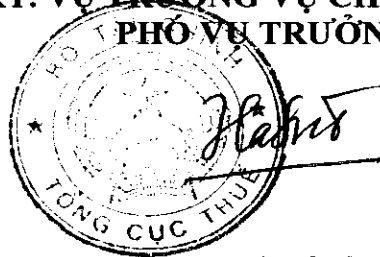
Tổng cục Thuế trả lời đề Cục Thuế thành phố Hải Phòng biết. / 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó TCTr Vũ Xuân Bách (để báo cáo);
- Cục Quản lý công sản (BTC);
- Vụ CST, Vụ Pháp chế (BTC);
- Vụ Pháp chế (TCT);
- Lưu: VT, CS.



TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Hoàng Thị Hà Giang